

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngọc Minh

2. Bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2026/TLPT- HS, ngày 16/4/2026 đối với bị cáo Bùi Duy L về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HS - ST ngày 02/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:** BÙI DUY L, sinh ngày 20/11/2005 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y Bảy N, sinh năm 1978 và bà Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1975; Bị cáo có vợ là H Mak Êban, sinh năm 2004 và 01 con, sinh năm 2025; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo: Huỳnh Trương K, Phạm Vũ Minh T1 và Nguyễn Duy K1 không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

*** Bị hại:**

1. Bà Hồ Thị Tuyết L1, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số B N, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1959. Địa chỉ: E N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1985. Địa chỉ: D L, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

5. Ông Huỳnh Đức D, sinh năm 1967. Địa chỉ: A N, khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1987. Địa chỉ: F N, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

7. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1967. Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

8. Bà Huỳnh Duy H2, sinh năm 1989. Địa chỉ: C Bà T, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

9. Ông Nguyễn Đỗ Anh V, sinh năm 1983. Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

3. Bà Lê Thị Mỹ H3, sinh năm 1974 và ông Đinh Trọng C1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố L, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

4. Bà Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố C, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

6. Bà Trương Thị Thúy H4, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11/7/2025, Bùi Duy L nhắn tin qua tài khoản Messenger rủ Nguyễn Duy K1 (17 tuổi 6 tháng 02 ngày) đi trộm cắp bình ắc quy xe tải để bán lấy tiền tiêu xài, K1 đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/7/2025, L rủ Huỳnh Trương K và Phạm Vũ Minh T1 cùng tham gia trộm cắp bình ắc quy xe tải thì cả hai đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 50 phút ngày 13/7/2025,

tại công viên D, phường T, Đắk Lắk Bùi Duy L, Nguyễn Duy K1, Huỳnh Trương K và Phạm Vũ Minh T1 cùng nhau bàn bạc và thống nhất không lấy trộm bình ắc quy xe tải nữa mà lấy trộm các cầu dắt xe bằng sắt của nhà dân bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi thống nhất, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen trắng, biển số 78C1 - 060.77 (do mẹ K là bà Trương Thị Thúy H4 làm chủ sở hữu) chở T1; L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 78AB - 142.93 (của mẹ K1 là bà Nguyễn Thị Duy D1 làm chủ sở hữu) chở K1 đi đến đường N và Nguyễn Văn L3 thuộc phường P, tỉnh Đắk Lắk, lấy trộm 04 cầu dắt xe bằng sắt để phía trước nhà của các ông Huỳnh Đức D, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim T3 rồi mang đi cất giấu tại khu vực rừng dương đối diện sân bay T thuộc phường P. Sau đó, nhóm của L tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến các đường N, Lê Hồng P1 và Bà T5 thuộc phường T lấy 05 cầu dắt xe bằng sắt của các ông, bà Hoàng Thị H1, Huỳnh Duy H2, Nguyễn Đỗ Anh V, Bùi Thị N1 và Vũ Thị C, cả nhóm đem 03 cái đến cất giấu tại khu vực rừng dương ngã 4 đường P - L thuộc phường T, 02 cái còn lại cả nhóm đem đến cất giấu tại ở khu vực rừng dương đối diện sân bay T thuộc phường P rồi cả nhóm ra về.

Đến khoảng 08 giờ ngày 14/7/2025, K điều khiển xe mô tô biển số 78C1 - 060.77 chở K1; L điều khiển xe mô tô 78AB - 142.93 của K1 chở 02 cầu dắt xe đem bán cho ông Đinh Trọng C1, chủ cơ sở thu mua phế liệu H5 ở I L, phường T, tỉnh Đắk Lắk với giá 72.000 đồng; bán 01 cái cho ông Phạm Văn P, chủ cơ sở thu mua phế liệu Nhã L4 ở địa chỉ C T, khu phố N, phường T với giá 120.000 đồng; bán 06 cái cho bà Trần Thị Ngọc Á, chủ cơ sở thu mua phế liệu T6 ở khu phố P, phường T, tỉnh Đắk Lắk với giá 392.000 đồng. Tổng số tiền bán được là 584.000 đồng, cả nhóm thống nhất trả tiền xăng xe của K và K1 mỗi chiếc 50.000 đồng, còn lại chia T1, L mỗi người 110.000 đồng; Khương 105.000 đồng; K1 159.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã thu hồi 04 cầu dắt xe, số còn lại không thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số 308 ngày 09/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 09 cầu dắt xe bằng sắt có tổng giá trị là 4.700.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HS - ST ngày 02/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy L 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Trương K, Phạm Vũ Minh T1 và Nguyễn Duy K1; Về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/3/2026 bị cáo Bùi Duy L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Duy L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Bùi Duy L 05 tháng tù là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HSST ngày 02/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Bùi Duy L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Bùi Duy L tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng ngày 14/7/2025, tại phường T, phường P, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Bùi Duy L, Huỳnh Trương K, Phạm Vũ Minh T1 và Nguyễn Duy K1 lén lút lấy trộm 09 cầu đất của các bị hại là ông, bà Hoàng Thị H1, Huỳnh Duy H2, Nguyễn Đỗ Anh V, Bùi Thị N1 và Vũ Thị C với tổng giá trị là 4.700.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Bùi Duy L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện

hành vi phạm tội; hành vi phạm tội được thực hiện đối với nhiều bị hại, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới làm thay đổi bản chất vụ án hoặc làm căn cứ để giảm nhẹ thêm hình phạt.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Duy L.

[3]. Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy L, giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 27/2026/HSST ngày 02/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Bùi Duy L.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy L 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Duy L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND khu vực 11 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11 - Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND khu vực 11 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11 - Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị My My